

CÁC BỘ**LIÊN BỘ**

**KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
MÔI TRƯỜNG - XÂY DỰNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 1529/1998/TTLT/
BKHCNMT-BXD ngày 17/10/1998 về
việc hướng dẫn đảm bảo môi trường
trong sử dụng amiăng vào sản xuất
các sản phẩm, vật liệu và xây dựng.**

Để thi hành Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/12/1994 và Công văn số 5176/KGVX ngày 14/10/1996 của Văn phòng Chính phủ về việc "đề nghị cấm sử dụng amiăng trong sản xuất vật liệu xây dựng", Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng hướng dẫn "đảm bảo môi trường trong sử dụng amiăng vào sản xuất các sản phẩm, vật liệu và xây dựng" đối với các cơ sở đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc.

I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Các thuật ngữ trong Thông tư liên tịch này được hiểu như sau:

1. Amiăng là các khoáng vật silicate tạo đá dạng sợi bao gồm:

- Nhóm khoáng vật Serpentine: Chrysotile ($3\text{MgO} \cdot \text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$) hay amiăng trắng,

- Nhóm khoáng vật Amphibole gồm: Actinolite ($2\text{CaO} \cdot 4\text{MgO} \cdot \text{FeO} \cdot 8\text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$), Amosite ($5,5\text{FeO} \cdot 1,5\text{MgO} \cdot 8\text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$) hay amiăng nâu, Anthophyllite ($7\text{MgO} \cdot 8\text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$), Crocidolite ($\text{Na}_2\text{O} \cdot \text{Fe}_2\text{O}_3 \cdot 3\text{FeO} \cdot 8\text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$) hay amiăng xanh và Tremolite ($2\text{CaO} \cdot 5\text{MgO} \cdot 8\text{SiO}_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$).

2. "Sợi amiăng" là các sợi amiăng có chiều rộng nhỏ hơn $3\mu\text{m}$ và tỷ lệ độ dài trên chiều rộng bằng và lớn hơn 3/1.

II. SỬ DỤNG AMIĂNG VÀO SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM, VẬT LIỆU XÂY DỰNG

1. Cấm sản xuất dưới bất kỳ hình thức, quy mô khối lượng nào các sản phẩm có chứa amiăng,

nguyên liệu amiăng thuộc nhóm khoáng vật Amphibole bao gồm: Actinolite, Crocidolite, Amosite, Anthophyllite và Tremolite.

2. Các cơ sở sử dụng amiăng và sản xuất các sản phẩm, vật liệu có chứa amiăng phải tuân thủ các quy định sau:

a) Chỉ sử dụng amiăng Chrysotile làm nguyên liệu cung cấp cho sản xuất các sản phẩm và vật liệu có chứa amiăng.

b) Bảo đảm nồng độ sợi amiăng Chrysotile trong khu vực sản xuất không vượt quá 1 sợi/ml không khí (trung bình 8 giờ) và 2 sợi/ml không khí (trung bình 1 giờ).

c) Không để rách vỡ bao, rơi vãi khi vận chuyển nguyên liệu amiăng Chrysotile.

d) Tổ chức theo dõi khám sức khỏe, chụp X quang định kỳ theo quy định hiện hành của Bộ Y tế cho toàn bộ cán bộ, công nhân và lưu giữ kết quả tại cơ sở.

e) Lập và trình nộp Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để thẩm định theo luật định trước ngày 31 tháng 3 năm 1999.

III. SỬ DỤNG AMIĂNG CHRYSOTILE VÀ CÁC SẢN PHẨM, VẬT LIỆU CHỨA AMIĂNG CHRYSOTILE TRONG XÂY DỰNG

1. Không sử dụng amiăng Chrysotile làm vật liệu nhồi, chèn, cách nhiệt trong công trình xây dựng. Cần sử dụng các chất kết dính nhằm đảm bảo sợi amiăng Chrysotile không khuếch tán vào không khí đối với những công trình, thiết bị công nghiệp có yêu cầu cách nhiệt và chịu lửa bằng amiăng Chrysotile.

2. Phải áp dụng các biện pháp cần thiết để khống chế việc phát sinh bụi amiăng Chrysotile khi thực hiện các công việc như cưa, mài, đục, cắt.... các sản phẩm có chứa amiăng Chrysotile.

3. Phải lập phương án bảo vệ môi trường trước khi tiến hành việc phá dỡ, sửa chữa, cải tạo các công trình, thiết bị công nghiệp có chứa amiăng Chrysotile.

4. Phải thu gom và chuyển vào nơi quy định các phế thải có chứa amiăng Chrysotile, các phế thải loại này không được dùng làm nguyên liệu rải đường.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Cục Môi trường - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Xây dựng theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện để báo cáo lãnh đạo hai Bộ.

2. Các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với các Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn địa phương nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định của Thông tư liên tịch này.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Thủ trưởng

TỔNG VĂN NGÀ

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ
và Môi trường
Thủ trưởng

PHẠM KHÔI NGUYỄN

**TÀI CHÍNH - KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 139/1998/TTLT-
BTC-BKHCNMT ngày 23/10/1998
hướng dẫn chế độ thu, quản lý và sử
dụng phí thẩm định, lệ phí đăng ký
Hợp đồng chuyển giao công nghệ.**

Căn cứ Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28/7/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng

Chính phủ) về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí;

Liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ do cơ quan được phân cấp phê duyệt như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ

Tất cả các tổ chức, cá nhân xin phê duyệt, đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ phải nộp phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ (dưới đây gọi tắt là phí, lệ phí).

II. MỨC PHÍ

- Phí thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị Hợp đồng nhưng tối đa không quá 20 triệu đồng và tối thiểu không dưới 2 triệu đồng.

- Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ xin bổ sung, sửa đổi thì phí thẩm định phải nộp bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị Hợp đồng sửa đổi, nhưng tối đa không quá 10 triệu đồng và tối thiểu không dưới 1 triệu đồng.

- Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ không phải phê duyệt, nhưng phải đăng ký tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thì mức lệ phí là 200.000 đồng cho mỗi Hợp đồng.

- Phí thẩm định, lệ phí đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ thu bằng tiền đồng Việt Nam. Trường hợp phí thẩm định tính trên giá trị Hợp đồng bằng ngoại tệ thì phải quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm tính mức phí thẩm định.

III. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHÍ THẨM ĐỊNH

1. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ (dưới đây gọi tắt là cơ quan thẩm định) theo quy định của Nghị định số 45/1998/NĐ-CP ngày 01/7/1998 của Chính phủ trực tiếp thu phí, lệ phí theo quy định của Thông tư này.